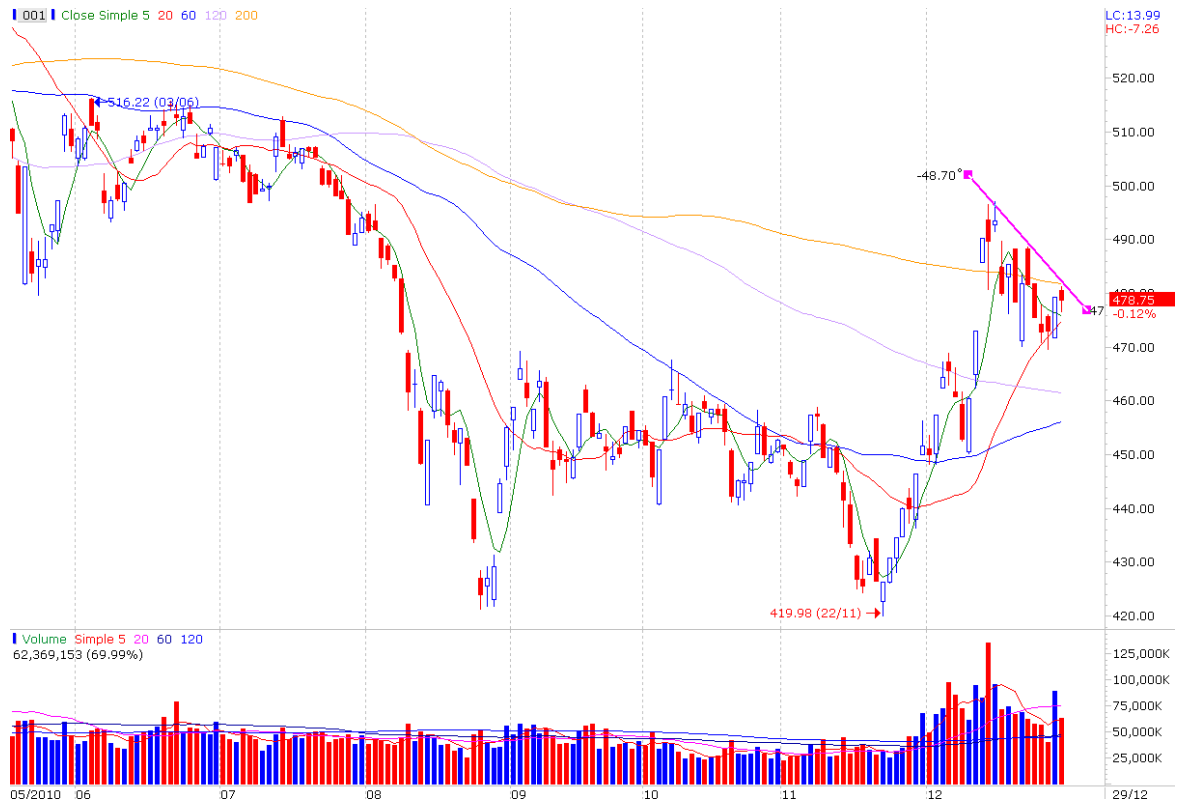


NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Điều chỉnh



VN-Index mở cửa tăng nhẹ 1,2 điểm lên 480,53 điểm rồi giao động nhẹ quanh mức này trong nửa đầu đợt 2. Tuy nhiên, về nửa sau phiên, lực bán tăng mạnh trong khi lực cầu yếu khiến chỉ số giảm về dưới tham chiếu, có lúc xuống gần chạm mức 476 điểm. Hàng loạt cổ phiếu chuyển từ xanh sang đỏ do bị bán mạnh như SSI, PVF, KBC, LCG, FPT... Một đợt hồi phục nhẹ vào khoảng 10h không đủ để lôi kéo dòng tiền vào thị trường. Cuối giờ, nhờ lực đỡ của một số cổ phiếu blue-chips như MSN, VIC, VNM, HAG và VCB, VN-Index phục hồi một phần và đóng cửa với 478,75 điểm, giảm 0,58 điểm, tương đương với 0,12% so với phiên giao dịch trước.

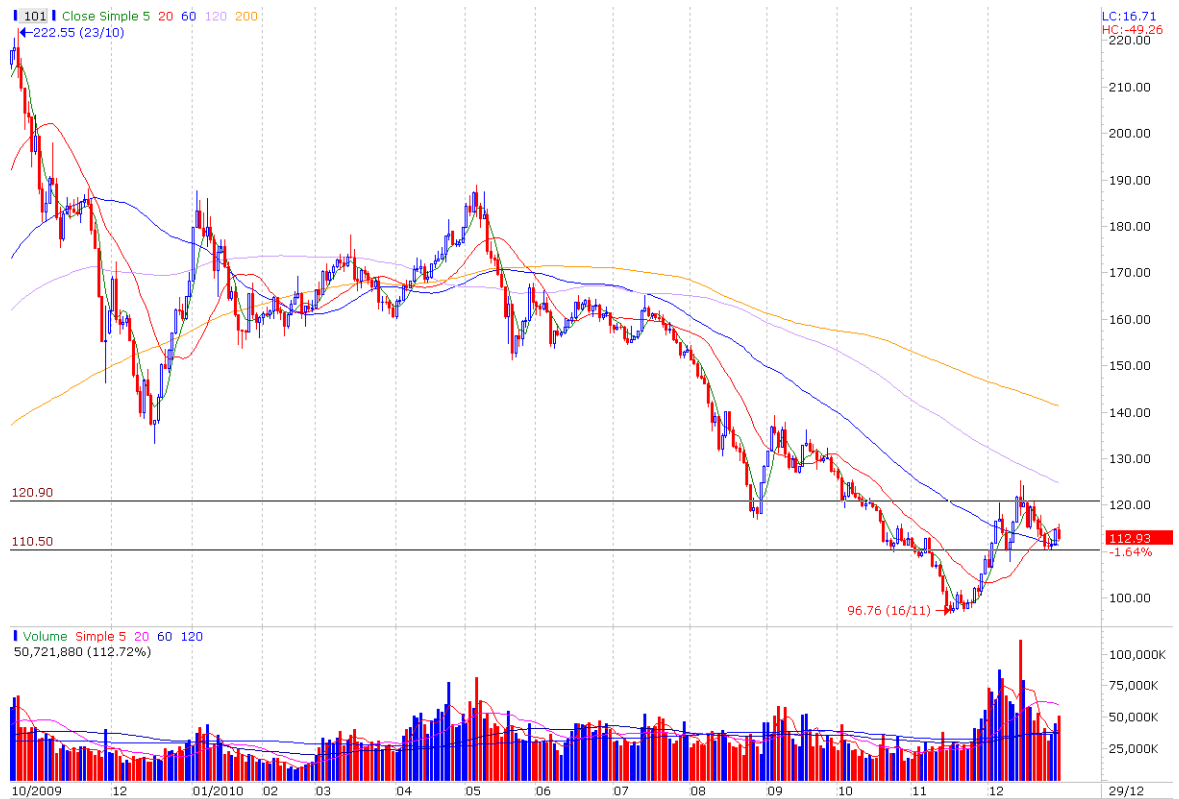
Thanh khoản giảm so với phiên trước và duy trì ở mức trung bình với khối lượng giao dịch toàn phiên đạt 62,36 triệu cổ phiếu, tương đương với 1.477,8 tỷ đồng giá trị. Các cổ phiếu được giao dịch nhiều nhất gồm có STB, SSI, OGC, SEC, QCG. Tại thời điểm đóng cửa có 84 cổ phiếu tăng giá, 51 cổ phiếu đứng giá và 145 cổ phiếu giảm giá. Các cổ phiếu thuộc ngành tài chính, ngân hàng giảm mạnh, tiêu biểu là EIB, PVF, BVH, SSI.

Khối ngoại tăng mạnh cả mua vào và bán ra. Toàn phiên, các nhà đầu tư nước ngoài bán ròng nhẹ với giá trị mua và bán xấp xỉ nhau vào khoảng trên 229 tỷ đồng. STB và FPT dẫn đầu về giá trị bán ròng trong khi CTG, HSG, DPM dẫn đầu về giá trị mua ròng.

VN-Index sau khi đạt tới mức target 480-482 điểm vào đầu phiên thì điều chỉnh và kết thúc phiên trong vùng giảm điểm. Như vậy, chỉ số vẫn chưa vượt được đường down trend hình thành từ trung tuần tháng 12 tới nay. Lực cầu thiếu tích cực và thị trường phụ thuộc nhiều vào bên bán nên chỉ một lượng bán không lớn cũng có thể làm thị trường giảm sâu. Với xu thế này, VN-Index có nhiều rủi ro giảm điểm. Thân nền đen với mức mở cửa (open) xấp xỉ mức cao nhất (high) trong phiên

hôm nay là tín hiệu cho thấy quá trình hồi phục từ 469-470 nhiều khả năng đã kết thúc tại vùng kháng cự 480-482 điểm. Trong ngắn hạn, có khả năng thị trường sẽ quay trở lại ngưỡng hỗ trợ 469-470 điểm. Trong trường hợp vùng này bị xuyên thủng, thị trường sẽ tiến tới vùng 460 điểm. Do đó, nhà đầu tư có thể bán dần những cổ phiếu mua vào với mục đích đầu cơ ngắn hạn và căn cứ vào biến động thị trường tại vùng hỗ trợ 469 điểm để quyết định.

HNX:



Giống như VN-Index, HNX-Index cũng tăng điểm vào đầu phiên giao dịch nhưng từ 9h30 đảo chiều và giảm dần cho đến kết thúc phiên. Đóng cửa, chỉ số tạm dừng tại 112,93 điểm, giảm 1,88 điểm, tương đương với 1,64% so với phiên trước.

Thanh khoản trên sàn tăng nhẹ với 50,72 triệu đơn vị, tương đương với 1.151,5 tỷ đồng giá trị được chuyển nhượng. Các cổ phiếu được giao dịch nhiều nhất gồm có SQC, VCG, KLS, SHB và BVS. Kết thúc phiên, toàn thị trường có 199 cổ phiếu giảm giá, 37 cổ phiếu đứng giá và 106 cổ phiếu tăng giá.

Giao dịch của các nhà đầu tư nước ngoài tăng mạnh trên sàn HNX với hơn 27 tỷ đồng giá trị mua ròng. SHB, BVS, PVX là các cổ phiếu được mua vào mạnh nhất trong khi KLS dẫn đầu về giá trị bán ròng.

Sàn HNX đóng cửa với số cổ phiếu giảm giá áp đảo. Áp lực bán ra diễn ra khá mạnh và trên diện rộng trong khi cầu ở mức giá cao yếu khiến cho HNX-Index giảm sâu hơn VN-Index. Cho thấy nhu cầu thoát ra khỏi thị trường đang tăng dần. Trong những phiên tới, thị trường có thể sẽ kiểm tra lại ngưỡng hỗ trợ 110 điểm. Nếu chỉ số xuyên thủng mức này, ngưỡng hỗ trợ tiếp theo sẽ trong vùng 97-98 điểm. Tuy nhiên, với tính đầu cơ cao, dòng tiền có thể quay lại thị trường này rất nhanh chóng trong trường hợp VN-Index kết thúc quá trình điều chỉnh giảm.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Cùng chung với biến động của thị trường, tất cả các cổ phiếu thuộc PVN đều giảm giá trong phiên hôm nay. Các cổ phiếu giảm giá mạnh nhất gồm PXS giảm 4,73%, PXT giảm 3,85% , PXM và PXI giảm 3,82%. PVX là cổ phiếu dẫn đầu về khối lượng giao dịch với trên 2 triệu đơn vị được sang tay. Ngoài ra, PFL cũng có khối lượng giao dịch khá lớn với trên 1 triệu đơn vị. Trung bình, các cổ phiếu thuộc PVN giảm 1,83% với tổng khối lượng giao dịch đạt 9,26 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 29/12:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	ICG	CTCP Xây dựng Sông Hồng	21,200	245,200	↓ -2.30	1.60	9.11	HNX
2	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	12,100	32,700	→ 0.00	1.09	38.59	HNX
3	PDC	CTCP Du lịch Dầu khí Phương Đông	10,200	7,900	↓ -2.86	1.31	106.69	HNX
4	PFL	CTCP Bất động sản Tài chính Dầu khí VN	14,000	1,194,500	↓ -1.41	0.62	N/A	HNX
5	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	26,000	244,000	↓ -3.35	1.71	2.07	HNX
6	PHH	CTCP Hồng hà Dầu khí	15,200	88,300	↓ -3.80	1.30	6.29	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	13,200	190,300	↓ -2.22	1.14	10.27	HNX
8	PV2	CTCP Đầu tư và Phát triển PVI	11,900	71,100	↓ -1.65	0.74	N/A	HNX
9	PVA	CTCP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	44,000	169,500	↓ -1.79	2.35	6.41	HNX
10	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	26,700	397,600	↓ -2.20	2.06	6.81	HNX
11	PVE	CTCP Tư vấn Đầu tư và Thiết bị Dầu khí	16,300	59,800	↓ -0.61	1.44	6.87	HNX
12	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	13,900	67,700	→ 0.00	0.62	10.44	HNX
13	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	18,200	89,900	↓ -1.09	1.68	8.05	HNX
14	PVL	CTCP Bất động sản Điện lực Dầu khí VN	15,100	744,700	↓ -1.31	1.34	N/A	HNX
15	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	11,800	66,200	↓ -1.67	0.67	22.20	HNX
16	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	20,900	330,500	↓ -0.48	1.72	5.47	HNX
17	PVV	CTCP Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	14,600	4,500	↓ -1.35	1.20	5.67	HNX
18	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	21,700	2,239,400	↓ -0.91	1.44	6.99	HNX
19	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	38,000	897,650	↓ -0.52	2.57	8.78	HSX
20	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	17,600	255,150	→ 0.00	1.05	7.18	HSX
21	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	35,000	107,870	→ 0.00	3.13	5.17	HSX
22	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	12,500	132,250	↓ -1.57	0.53	13.82	HSX
23	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	52,500	475,010	→ 0.00	3.97	15.03	HSX
24	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	23,500	101,070	↓ -2.89	2.19	47.90	HSX
25	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	10,500	228,160	↓ -0.94	0.89	41.26	HSX
26	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	15,100	68,770	↓ -3.82	1.45	6.82	HSX
27	PXL	CTCP ĐT khu công nghiệp dầu khí – Idico Long Sơn	10,600	480,800	↓ -3.64	0.96	N/A	HSX
28	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	12,600	85,610	↓ -3.82	1.07	9.75	HSX
29	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	14,100	112,720	↓ -4.73	1.32	6.06	HSX
30	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	10,000	75,620	↓ -3.85	0.85	12.60	HSX
31	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	11,000	27,200	→ 0.00	0.98	24.65	UPCOM
32	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	5,800	1,200	→ 0.00	0.59	N/A	UPCOM
33	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	10,000	-	→ 0.00	N/A	N/A	UPCOM
34	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	8,800	26,300	↓ -1.12	0.80	N/A	UPCOM
35	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	7,400	14,300	↑ 1.37	0.74	N/A	UPCOM
36	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	7,200	100	↑ 7.46	0.72	N/A	UPCOM
37	PX1	CTCP Xi măng Dầu khí 12/9	15,700	-	→ 0.00	N/A	N/A	UPCOM

* Giá trị sổ sách và EPS tính trên báo cáo hợp nhất quý gần nhất hoặc năm gần nhất

TIN KINH TẾ

Nguồn: Thomson Reuters,
Google Finance;
CNNMoney, CNBC



Thị trường Mỹ: Tổ chức Conference Board đã công bố trong chỉ số niềm tin tiêu dùng, theo đó niềm tin tiêu dùng giảm mạnh xuống gần 2 điểm từ 52.5 tháng 12 xuống 54.3 trong tháng 12. Kế hoạch mua xe cũng giảm mạnh trong khi kế hoạch mua nhà chỉ ở mức 1.8%, duy trì gần mức thấp kỷ lục.

Chỉ số giá nhà ở Case-Shiller tháng 10 tại 20 thành phố lớn giảm 1.3% so với tháng 9 và giảm 0.8% so với cùng kỳ năm ngoái, trái với dự báo tăng 0.1% của các nhà kinh tế

Khu vực Eurozone: Do bất ổn đã hồi phục của Mỹ và khủng hoảng nợ công, thị trường trái phiếu chính phủ của các quốc gia Châu Âu đang mất dần sự hấp dẫn, trừ hai quốc gia lớn là Đức và Pháp. Theo đánh giá của các chuyên gia, thị trường trái phiếu chính phủ Châu Âu sẽ còn phải đối mặt với nhiều khó khăn trong năm 2011

Cơ quan Thống kê Pháp (Insee) cho biết GDP quý 3 tăng 0.3%, thấp hơn mức ước tính sơ bộ được công bố hôm 12/11 là 0.4%. So với cùng kỳ năm ngoái, GDP quý 3 của Pháp tăng 1.7%, cũng thấp hơn so với mức ước tính được đưa ra tháng trước là 1.8%.

Tình hình trong nước. Lãi suất huy động vẫn là vấn đề nóng với các ngân hàng trong dịp cuối năm. Tuy hiện tại lãi suất 1.4%/năm theo mức đồng thuận mới. Tuy nhiên, thực tế việc “vượt rào” lãi suất vẫn âm thầm diễn ra ở các ngân hàng nhỏ, thông qua các hình thức dịch vụ hỗ trợ khách hàng nhằm đảm bảo thanh khoản cuối năm. Nhiều NHTM nhỏ đã kiến nghị với NHNN cần có cơ chế điều hành lãi suất phù hợp để giúp ổn định thị trường lãi suất vì sự chênh lệch tiềm lực tài chính so với các ngân hàng lớn. NHNN đang nghiên cứu giải pháp hỗ trợ NHTM nhỏ, có thể hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc

Giá vàng trong nước hôm nay tăng mạnh, một phần theo xu thế vàng thế giới, đồng thời cũng do nhu cầu mua vàng thường tăng vào dịp cuối năm. Giá vàng trung bình sáng qua trên cửa hàng vàng quanh mức 35.95/36.05 tr đồng/lượng (mua vào/bán ra), tăng 50 ngàn/lượng. Tuy nhiên giá đô la trên thị trường tự do lại giảm nhẹ, giao dịch quanh mức 21,000/21,050 (mua vào/bán ra).

THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Nguồn: Reuters, Google
Finance; CNNMoney,
CNBC



Thông tin thiếu tích cực từ Mỹ khiến cho giá vàng biến động mạnh trong phiên, giá dầu vẫn duy trì trên mức 91USD

Giá vàng tăng mạnh: giá vàng biến động khá mạnh trong phiên 28/12, vào lúc 10h09 GMT+7, giá vàng lên đến 1406.75, mức cao nhất trong vòng 2 tuần, sau đó đến cuối phiên giảm nhẹ xuống còn 1403.75, tương đương 0.13%. Tuy nhiên xét tổng thể, so với ngày hôm qua, giá vàng tăng 12.85USD/ounce (0.9%). Giá vàng kỳ hạn duy trì ở mức 1404.3 USD/ounce

Giá dầu giữ quanh mức 91USD/thùng: Giá dầu kỳ hạn trên sàn New York đóng cửa giao dịch ở mức xuống 91.33\$/thùng, tăng 0.3%. Giá dầu Brent giao tháng 2 tại London tăng tiếp tục tăng lên 94.18\$/thùng. Tuy các nhà máy lọc dầu tại Bờ Đông đã hoạt động trở lại, tuy nhiên tình hình thời tiết khắc nghiệt tại phía Đông Bắc nước Mỹ vẫn gây ra lo ngại về cung không đáp ứng đủ cầu.

Giá cao su trên thế giới tăng mạnh: Theo nguồn tin Reuters tình hình nguồn cung cao su thiên nhiên trên thị trường thế giới khan hiếm khiến giá cao su tăng. Giá cao su giao ngay ở Thái Lan, nước sản xuất lớn nhất thế giới, đã tăng 70% lên mức kỷ lục cao 4,96 USD trong tháng 10. Giá cao su kỳ hạn trên thị trường Tokyo đã lập kỷ lục cao vào ngày 24/12 vừa qua, Nhu cầu cao su chắc chắn sẽ tăng hơn nữa trong tháng 1, trong khi nguồn cung mới sẽ chỉ có vào cuối tháng 2, khi hết mùa đông

Triển vọng lương thực, thực phẩm tăng: Theo Tổ chức Nông – Lương Liên Hiệp Quốc (FAO), hầu hết các nông sản trên thị trường quốc tế đã tăng trong những tháng gần đây. Chỉ số giá lương thực - thực phẩm của FAO đã tăng 42 điểm tính từ tháng 6 tới tháng 11, đạt 205 điểm trong tháng 11, chỉ thấp hơn 8 điểm so với mức đỉnh cao hồi tháng 6/2008. Triển vọng thị trường lương thực, thực phẩm đầu năm 2011 sẽ tiếp tục xu hướng tăng giá và mậu dịch, với nhu cầu vững ở hầu hết các thị trường và nguồn cung cũng tương đối ổn định.

Cafe khan hiếm: hiện giá cà phê arabica tại Việt nam đã lên tới 14.500 đồng/kg tăng gấp hai lần so với niên vụ trước nhưng nguồn cung vẫn khan hiếm. Nguyên nhân chính vì nhu cầu thị trường thế giới về cà phê arabica trồng tại Đà Lạt tăng cao nhưng sản lượng chỉ khoảng 10.000 tấn tươi/năm, diện tích trồng cafe arabica ở Việt Nam còn khá khiêm tốn, chỉ bằng 5-6% diện tích cafe robusta của cả nước

LỊCH SỰ KIẾN TRONG TUẦN

Lịch đấu giá các công ty

Công ty	VĐL (tỷ đồng)	Tổng số CP chào bán	Giá khởi điểm (đ/cp)	Ngày đấu giá	Thời gian nhận cọc
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Xây dựng Trường Thịnh (lần 2)	34.70	924,709	16,000	24/01/2011	
Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung	28.66	1, 31,367	10,010	6/01/2011	Từ 17/12/2010 đến 30/12/2010
Công ty Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	350.00	4,292,800	10,000	5/01/2011	Từ 16/12/2010
CTCP Thiết bị phụ tùng Đà Nẵng	41.00	1,931,760	26,000	30/12/2010	Từ 12/09/2010 đến 12/23/2010
Công ty Nông thổ sản II	64.00	4,313,200	10,000	30/12/2010	Từ 09/12/2010
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC)	2,600.00	13,000,000	21,000	29/12/2010	Từ 10/12/2010
Cảng Mỹ Thới An Giang	138.00	956,900	10,000	28/12/2010	Từ 09/12/2010
Công ty Vật liệu Xây dựng và Lâm sản	63.00	2,030,200	10,500	27/12/2010	

Danh sách các công ty đã nộp hồ sơ xin niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày nộp hồ sơ
CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An	HSX	80	27/12/2010
CTCP Vinacaphe Biên Hòa	HSX	265.791	24/12/2010
CTCP Thép Nam Kim	HSX	230	22/12/2010
CTCP Cơ điện Thủ Đức	HSX	80.73	17/12/2010
CTCP Gạch ngói gốm xây dựng Mỹ Xuân	HNX	53.20694	16/12/2010
CTCP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An	HNX	108	30/11/2010
CTCP Đầu tư Sông Hồng - Thăng Long	HNX	30	26/11/2010
CTCP Hanel Xốp Nhựa	HNX	50	26/11/2010
CTCP Tập đoàn Tân Mai	HNX	780.74927	24/11/2010
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	HSX	604.921	23/11/2010
CTCP Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	HNX	300	23/11/2010
CTCP Tấn Phát	HSX	120	19/11/2010
TCP Sản xuất và Thương mại Minh Phúc	HNX	47.5777	15/11/2010

Danh sách các công ty đã được chấp thuận niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày được chấp thuận
Công ty Cổ phần Liên Minh	HSX	100	27/12/2010
Công ty Cổ phần Phú Tài	HSX		23/12/2010
CTCP Đường Kon Tum	HNX	30	23/12/2010
CTCP Gỗ MDF - Geruco - Quảng Trị	HNX	344.46	17/12/2010
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	HSX		17/12/2010
CTCP Đường Bình Định	HNX		16/12/2010
CTCP Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	HNX	150	09/12/2010
CTCP Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị	HNX	188.7	09/12/2010

CTCP Thiết kế - Xây dựng – Thương mại Phúc Thịnh	UPCOM		03/12/2010
CTCP Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	HSX	120	01/12/2010
Tổng CTCP Bảo hiểm Bưu điện	HNX	450	26/11/2010
CTCP Than Vàng Danh - TKV	HNX	152.8079	26/11/2010
CTCP Địa ốc 11	HNX	26	26/11/2010

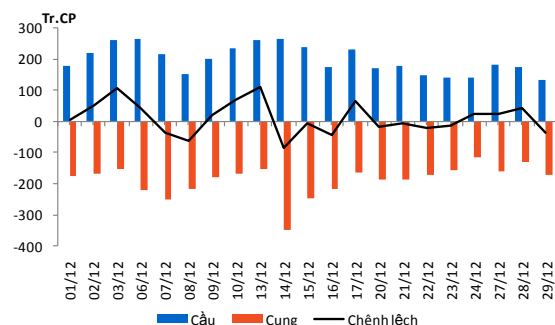
Lịch niêm yết lần đầu

Công ty	Mã CK	Địa chỉ niêm yết	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Giá chào sàn (Đồng)	Ngày giao dịch
CTCP Than Vàng Danh - TKV	TVD	HNX	152.81		11/01/2011
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật và Ô tô Trường Long	HTL	HSX	80.00		10/01/2011
CTCP Dịch vụ Bến Thành	BSC	HNX	30.00		05/01/2011
CTCP Đường Kon Tum	KTS	HNX	30.00		31/12/2010
CTCP Viễn thông – Tin học – Điện tử	KST	HNX	30.00		29/12/2010
CTCP Mía đường 333	S33	UPCOM	23.00		29/12/2010
CTCP Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị	PCG	HNX	188.70		29/12/2010
CTCP Hăng sơn Đông A	HAD	HNX	22.00		27/12/2010
CTCP Mỹ thuật và Truyền thông	ADC	HNX	10.00		24/12/2010
CTCP Vận tải biển Sài Gòn	SGS	UPCOM	14.42		22/12/2010
CTCP Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long	VLF	HSX	104.00		21/12/2010
CTCP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	HTI	HSX	249.49		20/12/2010
CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt may	VTI	UPCOM			17/12/2010

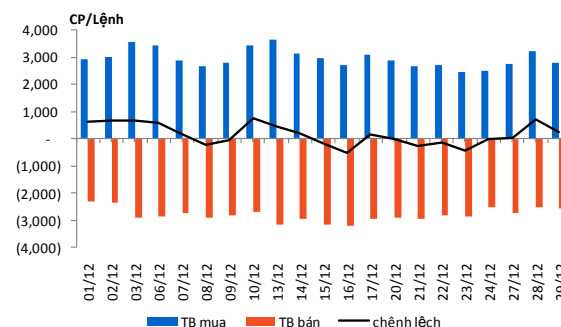
Nguồn: HSX, HSX

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

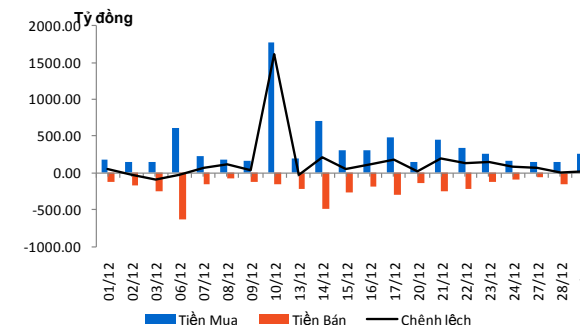
Diễn biến Cung – Cầu (niêm yết)



Diễn biến trung bình lệnh mua/bán (niêm yết)

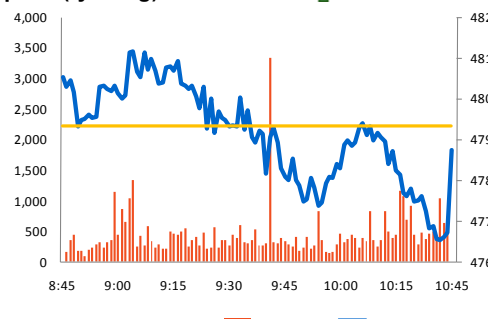


Diễn biến giao dịch của NĐTNN (niêm yết)



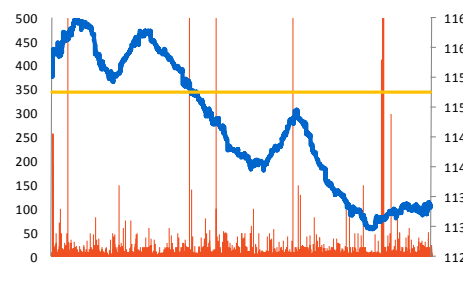
HSX

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	478.75 ↓	-0.58	-0.12%
KLGD (triệu ck)	61.92 ↓	-27.19	-30.51%
GTGD (tỷ đồng)	1,425.42 ↓	-651.59	-31.37%
Tổng cung (triệu ck)	104.49 ↑	25.69	32.61%
Tổng cầu (triệu ck)	81.36 ↓	-17.53	-17.73%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	6.79 ↑	3.23	90.87%
KL bán (triệu ck)	7.56 ↑	3.27	76.37%
Giá trị mua (tỷ đồng)	229.08 ↑	80.46	54.14%
Giá trị bán (tỷ đồng)	229.86 ↑	80.78	54.18%



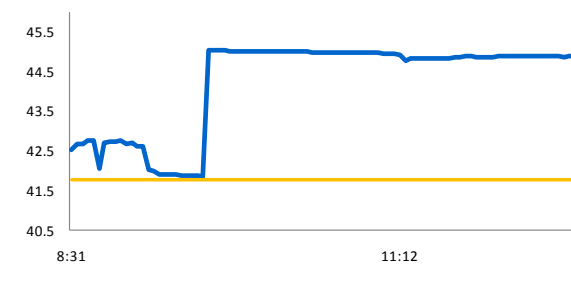
HNX

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	112.93 ↓	-1.88	-1.64%
KLGD (triệu ck)	50.72 ↑	5.72	12.72%
GTGD (tỷ đồng)	1,151.60 ↑	248.21	27.48%
Tổng cung (triệu ck)	65.72 ↑	13.22	25.18%
Tổng cầu (triệu ck)	51.62 ↓	-24.06	-31.80%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	2.34 ↑	2.01	607.18%
KL bán (triệu ck)	0.45 ↑	0.04	9.21%
Giá trị mua (tỷ đồng)	36.95 ↑	30.53	476.17%
Giá trị bán (tỷ đồng)	9.60 ↑	1.22	14.59%



UPCOM

	Giá trị	Thay đổi	± %
UPCOM-Index	44.90 ↑	3.04	7.26%
KLGD (triệu ck)	0.35 ↓	-0.20	-36.00%
GTGD (tỷ đồng)	3.37 ↓	-1.76	-34.24%
Tổng cung (triệu ck)	0.96 ↑	0.06	6.37%
Tổng cầu (triệu ck)	0.61 ↓	-3.51	-85.09%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.00 ↑	0.00	0.00%
KL bán (triệu ck)	0.00 ↑	0.00	0.00%
Giá trị mua (tỷ đồng)	0.00 ↑	0.00	0.00%
Giá trị bán (tỷ đồng)	0.00 ↑	0.00	0.00%



HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
STB	16,000	16,000	0.00	142,572
SSI	32,500	32,100	-1.23	118,062
OGC	24,300	24,000	-1.23	53,332
SEC	26,400	27,000	2.27	45,351
QCG	27,100	26,100	-3.69	42,909

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
SPM	60,500	63,500	3,000	4.96
LGL	20,400	21,400	1,000	4.90
LGC	28,900	30,300	1,400	4.84
TIX	40,200	42,100	1,900	4.73
DAG	17,000	17,800	800	4.71

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
KSH	38,000	36,100	-1,900	-5.00
VLF	26,100	24,800	-1,300	-4.98
DVD	42,500	40,400	-2,100	-4.94
VSI	22,400	21,300	-1,100	-4.91
LM8	14,300	13,600	-700	-4.90

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
STB	37,025	STB	58,355
DPM	29,813	BVH	27,128
BVH	29,618	EVE	25,875
HAG	25,942	DPM	25,060
PVD	22,064	PVD	20,082

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SQC	84,200	84,200	0.00	224,716
VCG	24,800	24,200	-2.42	129,662
KLS	16,400	16,100	-1.83	115,348
SHB	12,300	12,000	-2.44	74,079
BVS	27,500	28,900	5.09	67,502

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
SDS	20,000	21,400	1,400	7.00
PTM	8,600	9,200	600	6.98
MKV	21,600	23,100	1,500	6.94
LBE	10,100	10,800	700	6.93
HAT	23,300	24,900	1,600	6.87

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VBH	18,700	17,400	-1,300	-6.95
VE3	13,000	12,100	-900	-6.92
VE2	14,500	13,500	-1,000	-6.90
NHA	27,600	25,700	-1,900	-6.88
HTB	33,500	31,200	-2,300	-6.87

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
SHB	20,038	KLS	4,165
BVS	5,145	PVA	1,617
PVX	2,927	VCG	1,093
PVS	2,509	VNF	970
PHS	1,465	V11	469

UPCOM

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
TGP	6,900	6,300	-8.70	940
NT2	11,000	11,000	0.00	318
PSB	8,900	8,800	-1.12	232
UDJ	11,700	11,600	-0.85	200
MAX	28,000	25,200	-10.00	198

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
SSF	8,100	9,500	1,400	17.28
HU1	16,100	17,700	1,600	9.94
ND2	6,400	7,000	600	9.38
DNS	8,600	9,400	800	9.30
IN4	11,000	12,000	1,000	9.09

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
MAX	28,000	25,200	-2,800	-10.00
TVG	23,000	20,700	-2,300	-10.00
SGS	100,100	90,100	-10,000	-9.99
WSB	22,500	20,300	-2,200	-9.78
VNX	6,700	6,100	-600	-8.96

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888



PSI CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Phòng giao dịch số 2:

Tầng 1, tòa nhà Petro Việt Nam, số 18 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37727308; Fax: (84-4)37727312

Phòng giao dịch số 3

Tầng 1, tòa nhà 22 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội – ĐT: (84-4) 39393875-77; Fax: (84-4) 39393874

Phòng giao dịch số 4

Tầng 1, số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37724434; Fax: (84-4)39426800

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339